

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/DS-ST
Ngày: 10-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Mạnh Quyết.
- Ông Nguyễn Hữu Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa: Ông Nguyễn Thường Ân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 431/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số C K1 Ô T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H, sinh năm 1952. Địa chỉ: 1 ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt) (Văn bản ủy quyền ngày 15/11/2023)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Văn T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt)

+ Ông Lâm Hiệp Trường C1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số C K1 Ô T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2023, các văn bản trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn H đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:

Vào ngày 19/02/2023 dương lịch, bà Nguyễn Thị Ngọc C có cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 vay số tiền 1.400.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 12%/năm, thời hạn vay một tháng, bà H1 trực tiếp nhận tiền mặt tại nhà bà C. Bà H1 là người ghi nội dung vay tiền và ký tên. Bà H1 hẹn trả vào ngày 19/3/2023.

Sau một tháng, bà C có gọi điện thoại cho bà H1 yêu cầu trả tiền gốc và trả tiền lãi. Bà H1 trả lời đang đề nghị vay chờ Ngân hàng duyệt có tiền trả ngay. Sau đó bà H1 nói số tiền vay tăng lên, Ngân hàng không cho vay nên vẫn chưa trả kéo dài đến ngày hôm nay.

Bà Nguyễn Thị Ngọc C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C số tiền 1.400.000.000 đồng tiền gốc yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng từ ngày vay cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H1 trình bày trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa

Bà thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị Ngọc C nhiều lần với số tiền gốc là 1.050.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 15/6/2022, vay số tiền 200.000.000 đồng.
- Lần 2: Ngày 20/7/2022, vay số tiền 50.000.000 đồng.
- Lần 3: Ngày 01/8/2022, vay số tiền 100.000.000 đồng.
- Lần 4: Ngày 31/8/2022, vay số tiền 100.000.000 đồng.
- Lần 5: Ngày 08/9/2022, vay số tiền 300.000.000 đồng.
- Lần 6: Ngày 25/9/2022, vay số tiền 50.000.000 đồng.
- Lần 7: Ngày 26/9/2022, vay số tiền 100.000.000 đồng.
- Lần 8: Ngày 10/10/2022, vay số tiền 150.000.000 đồng.

Mỗi lần vay đều thỏa thuận lãi suất 6%/tháng và không thỏa thuận cụ thể thời hạn trả nợ. Bà có trả lãi cho bà C nhiều lần nhưng không nhớ rõ số tiền đã trả. Cũng không có ký nhận số tiền về việc trả lãi.

Đến ngày 19/02/2023, bà cùng với bà C có ngồi lại chốt lại số tiền gốc và lãi của các lần vay trước bằng hợp đồng vay nợ với số tiền 1.400.000.000 đồng. Nội dung trong hợp đồng vay nợ là do bà ghi và ký tên. Bà ghi theo sự ép buộc của bà C không có ghi lãi suất là bao nhiêu, lãi là do bà C tính sau. Nay bà không có khả năng chi trả. Bà C có điện thoại đòi lãi nhưng bà không trả được.

Bà xác nhận chữ ký trong hợp đồng vay nợ ngày 19/02/2023 là của bà. Mục đích bà vay tiền để trồng thanh long, trồng nhãn, trả nợ Ngân hàng. Bà vay tiền Ngân hàng để sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế gia đình. Bà có đưa các giấy tờ của Tòa án mời ông T thì chồng bà nói bà C đưa tiền cho bà H1 thì bà H1 phải trả. Ông T không liên quan gì đến việc vay tiền này.

Tại tòa án bà đồng ý trả cho bà C số tiền 1.050.000.000 đồng vào ngày 21/5/2024, số tiền 350.000.000 đồng bà xin trả trong thời hạn một năm là ngày 21/3/2025. Yêu cầu bà C không tính lãi nữa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình bày tại phiên tòa: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Thanh H1. Ông không biết việc bà H1 vay tiền nên ông không đồng ý liên đới trả cho bà C số tiền này.

Tòa án thụ lý vụ án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà C khởi kiện yêu cầu bà H1, ông T có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền vay 1.400000.000 đồng theo hợp đồng ngày 19/02/2023 và yêu cầu tính lãi 1%/tháng kể từ ngày vay đến ngày xét xử. Bà

H1 có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện T, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Căn cứ theo yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị Ngọc C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H1, ông Trần Văn T có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền vay 1.400.000.000 đồng. Xét lời trình bày yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Vào ngày 19/02/2023, bà Nguyễn Thị Ngọc C có cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 vay số tiền 1.400.000.000 đồng. Bà H1 là người ghi nội dung và ký tên ghi rõ họ tên vào giấy vay. Bà H1 hẹn một tháng trả.

[2.2] Bà Nguyễn Thị Thanh H1 thừa nhận chỉ nợ bà C số tiền 1.050.000.000 đồng và tiền lãi 350.000.000 đồng.

[2.3] Tại Biên bản hòa giải ngày 21/3/2024 và tại phiên tòa bà H1 thừa nhận có vay của bà C số tiền 1.400.000.000 đồng.

[2.4] Bà H1 thừa nhận chữ viết và chữ ký trong hợp đồng vay tiền ngày 19/02/2023 là của bà H1 nhưng nội dung là do bị bà C ép buộc. Suốt quá trình tố tụng bà H1 không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho việc viết giấy nợ 1.400.000.000 đồng là bị ép buộc.

[2.5] Tại phiên tòa, bà H1 xin trả dần số tiền 1.050.000.000 đồng vào ngày 21/5/2024, số tiền 350.000.000 đồng bà xin trả trong thời hạn một năm là bắt đầu từ ngày 21/3/2025. Yêu cầu bà C không tính lãi.

[2.6] Bà H1 có cung cấp cho tòa án các giấy biên nhận: Ngày 15/6/2022 vay số tiền 200.000.000 đồng; Ngày 20/7/2022 vay số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 01/8/2022 vay số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 31/8/2022, vay số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 08/9/2022 vay số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 25/9/2022 vay số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 26/9/2022 vay số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 10/10/2022 vay số tiền 150.000.000 đồng.

[2.7] Đại diện theo ủy quyền của bà C cho rằng việc vay tiền giữa bà C với bà H1 là ngày 19/02/2023 được bà H1 thừa nhận và ký tên. Còn tất cả các giấy tờ khác đều không liên quan.

[2.8] Về lãi suất: Bà C yêu cầu tính lãi yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 19/02/2023 đến ngày xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận. Cụ thể số tiền 1.400.000.000 đồng x 1% x 14 tháng 20 ngày = 205.333.000 đồng.

[2.9] Về trách nhiệm liên đới: Ông Trần Văn T trình bày việc bà H1 vay tiền của bà C ông không biết nên ông không có trách nhiệm liên đới trả nợ. Tại phiên tòa, bà H1 trình mục đích vay tiền của bà C để trồng thanh long, trồng nhãn, trả nợ ngân hàng. Vay nợ ngân hàng dùng số tiền vào mục đích kinh doanh sản xuất phát triển kinh tế gia đình. Ông T với bà H1 còn quan hệ hôn nhân nên buộc ông T phải liên đới trả cho bà C số tiền đã vay vốn, lãi.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 19/02/2023, buộc bà H1, ông T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà C số tiền vay còn nợ là 1.400.000.000 đồng và tiền lãi 205.333.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H1, ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Ngọc C không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc C về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bà Nguyễn Thị Thanh H1, ông Trần Văn T.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1, ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc C số tiền 1.605.333.000 đồng, bao gồm 1.400.000.000 đồng tiền vốn và 205.333.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: uộc bà Nguyễn Thị Thanh H1, ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới chịu 60.417.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc C số tiền 28.404.000 đồng tiền tạm ứng phí theo biên lai thu số 0007989 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa.

3. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/5/2024). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- CCTHADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tơ